

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HS-ST.
Ngày: 27/02/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba.

+ Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Phan Thanh T, sinh năm: 1982, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp 5, xã Phước B, huyện Long T, tỉnh Đồng N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh M và bà Nguyễn Thị K (đã chết); vợ Vũ Thị Hồng M (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2000; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (không đăng ký kết hôn); có 01 con, sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 11/11/2019.

(Bị cáo có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Tổ 20, khu Văn H, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phan Thanh T và anh Nguyễn Chí T có quan hệ quen biết với nhau. Vào khoảng tháng 5/2008, Phan Thanh T và anh Nguyễn Chí T có thỏa thuận cùng thuê đất để trồng mì (sắn). Sau đó, Phan Thanh T thỏa thuận và ký hợp đồng với ông Lý Hoàng V về việc thuê đất tại đơn vị

K860, thuộc tổng Cục quân khí Tổng kho Long B ở phường Long B, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N. Sau khi ký hợp đồng với ông V, ngày 14/5/2008 Nguyễn Chí T đưa cho Phan Thanh T số tiền 11.500.000 đồng và đến ngày 20/5/2008 Chí T tiếp tục đưa cho Thanh T số tiền 3.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ Chí T, Thanh T đã thuê người đến để dọn dẹp gốc cây và làm cỏ để cày đất nhưng do đất cứng, thấy việc trồng cây mì không khả thi nên Thanh T không tiếp tục việc trồng mì như đã thỏa thuận, số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết. Cùng thời gian này có giải bóng đá Châu Âu Euro năm 2008, Thanh T có tham gia cá độ nhưng bị thua tiền, để có tiền cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân, Thanh T đã nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt tiền của Chí T. Tiến hành, Thanh T nói dối với Chí T do cần tiền mua phân để bón cho cây mì và thuê người làm cỏ, để Chí T tin tưởng, Thanh T đã dẫn Chí T đi xem vườn mì của người khác và nói dối là vườn mì của Thanh T để Chí T đưa tiền cho Thanh T. Cụ thể: Vào ngày 22/5/2008 Chí T đưa cho Thanh T số tiền 10.000.000 đồng, ngày 15/6/2008 Chí T đưa cho Thanh T 10.000.000 đồng và ngày 22/6/2008 Chí T đưa cho Thanh T 9.000.000 đồng. Tổng số tiền Thanh T chiếm đoạt của Chí T là 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng.

Quá trình điều tra, Phan Thanh T bỏ trốn đến ngày 15/11/2014 Phan Thanh T đến cơ quan điều tra đầu thú khi đang có lệnh truy nã và bị tạm giữ trong thời hạn 03 ngày từ ngày 15/11/2014 đến ngày 18/11/2014 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ và Cơ quan điều tra ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phan Thanh T. Sau đó Phan Thanh T tiếp tục bỏ trốn đến ngày 11/11/2019 T đến cơ quan điều tra đầu thú.

Tại Cáo trạng số: 21/VKS- HS ngày 13 tháng 01 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T mức án từ 06 (sáu) tháng đến 07 (bảy) tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả, bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo khai nhận, từ ngày 22/5/2008 đến ngày 22/6/2008 tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bị cáo Phan Thanh T đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho anh Nguyễn Chí T tin tưởng để chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí T số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng. Lời khai nhận của bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai của người bị hại cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Xuất phát từ động cơ tư lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối làm cho người bị hại tin tưởng nhằm chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã thực hiện trót lọt tội phạm, phạm tội nhiều lần. Vì vậy, mức án bị cáo nhận lãnh phải thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về tình tiết giảm nhẹ: Do học vấn thấp (không biết đọc, biết viết) nhận thức xã hội có phần hạn chế. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Từ những phân tích trên, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt.

Đối với phần trình bày và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với phần trình bày của bị cáo Phan Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa.

[3] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo, phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng Hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[4] Biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 196, Điều 199, Điều 222, Điều 226, Điều 228, Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 11/11/2019. Được trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 15/11/2014 đến 18/11/2014.

2- Về án phí: Bị cáo Phan Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3- Quyền kháng cáo: Bị cáo T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại;
- VKS ND H. Long Thành;
- VKS ND T. Đồng Nai;
- CQĐT CA H. Long Thành;
- Trại tạm giam, trại giam;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

